TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – HỒ CHÍ MINH

TÌM HIỂU TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – HỒ CHÍ MINH

1/ Tìm hiểu văn chính luận của HCM:

1.1/ Tác phẩm tiêu biểu:

– Trước CMT8: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925);

– Sau CMT8: Tuyên ngôn độc lập (1945); Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946); Không có gì qúy hơn độc lập tự do (1966).

1.2/ Đặc điểm phong cách:

– Văn chính luận của HCM thắm đượm tình cảm; giàu hình ảnh; giọng điệu đa dạng: khi ôn tồn, thấu tình đạt lí; khi đanh thép, mạnh mẽ, hung hồn.

– Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp.

2/ Tìm hiểu HCST, Đối tượng, mục đích sáng tác, bố cục và mạch lập luận:

Về sự kiện Bác đọc TNĐL, nhà thơ Tố Hữu viết:

Hôm nay, sáng mồng hai tháng chín,

Thủ đô hoa, vàng nắng Ba Đình.

Muôn triệu tim chờ chim cũng nín,

Bỗng vang lên câu hát ân tình:

Hồ Chí Minh! Hồ Chí Minh!

Người đứng trên đài lặng phút giây,

Trông đàn con đó vẫy hai tay.

Cao cao vầng trán Ngời đôi mắt,

Độc lập bây giờ mới thấy đây!

Người đọc Tuyên ngôn Rồi chợt hỏi:

Đồng bào nghe tôi nói rõ không?

Ôi! Câu hỏi hơn một lời kêu gọi,

Rất đơn sơ mà ấm bao lòng!

Cả muôn triệu một lời đáp: Có!

Như Trường Sơn say gió biển Đông.

Vâng! Bác nói, chúng con nghe rõ,

Mỗi tiếng Người mang nặng non sông.

Trời bỗng xanh hơn, nắng chói lòa,

Ta nhìn lên Bác, Bác nhìn ta.

Bốn phương chắc cũng nhìn ta đó,

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa!

(Trích trường ca Theo chân Bác – Tố Hữu)

2.1. Hoàn cảnh sáng tác:

– Thế giới:

+ Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức,

+ Nhật đầu hàng Đồng minh

– Trong nước:

+ CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi.

+ Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội

+ Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội.

+ Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH.

2.2/ Viết cho ai?

– Tuyên ngôn độc lập viết để hướng tới "đồng bào cả nước", những người hơn 80 năm qua rên xiết dưới ách xâm lược của TDP và phát xít Nhật, nay khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, phát xít Nhật đầu hang Đồng minh, dưới sự lãnh đạo của VM, đứng đầu là CT HCM, họ đã nổi dậy giành chính quyền trên cả nước vào tháng 8 năm 1945.

– Đối tượng hướng tới của bản TN còn là nhân dân trên toàn thế giới. Phần cuối của tác phẩm, Bác đã viết:"Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước VN DCCH, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:".

– Hoàn cảnh ra đời của bản TNĐL còn giúp chúng ta nhận thấy một đối tượng hướng đến của tác phẩm là các thế lực thù địch và cơ hội quốc tế đang dã tâm tái nô dịch đất nước ta, đặc biệt là TDP và đế quốc Mĩ. (TNĐL ra đời giữa lúc hai đầu đất nước đều có kẻ thù ngoại bang đe dọa. Phía Bắc là 20 vạn quân Tưởng đang ngấp nghé ở cửa biên giới, chuẩn bị kéo vào miền Bắc nước ta, thay Đồng minh giải giáp quân đội Nhật. Phía sau đội quân "chấy rận" này là sự "ngấp nghé" "nhòm ngó", muốn can thiệp vào Đông Dương của đế quốc Mĩ. Ở phía Nam, thực dân Anh được giao nhiệm vụ của phe Đồng minh. Nhưng "mâu thuẫn Anh – Mĩ – Pháp là Liên Xô có thể làm cho Anh – Mĩ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương. Nhà cầm quyền Pháp lúc này tuyên bố: Đông Dương là thuộc địa của Pháp, bị quân Nhật chiếm, nay Nhật đã đầu hàng Đồng minh, đương nhiên Đông Dương phải thuộc quyền "bảo hộ" của Pháp.

2.3/ Viết để làm gì?

– Tuyên ngôn độc lập chính là nhan đề văn bản đã cho thấy mục đích hướng đến của tác phẩm là tuyên bố xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, khẳng định quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc ta trên toàn thế giới.

– Tương ứng với đối tượng trên, TNĐL còn nhằm mục đích bẻ gãy những luận điệu xảo trá của kẻ thù đang dã tâm nô dịch trở lại đất nước ta.

– Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc.

2.4/ Bố cục và mạch lập luận:

a/ Bố cục:

– Phần 1: Từ đầu đến "…không ai chối cãi được"

-> Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập.

– Phần 2: "Thế mà, …. phải được độc lập"

-> Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

– Phần 3: Còn lại

->Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

b/ Mạch lập luận:

Mục đích của TNĐL không phải chỉ để tuyên bố mà còn phải "đánh địch", bẻ gãy những luận điệu xảo trá của kẻ thù. Vì vậy bản TNĐL trước hết phải xác định cơ sở pháp lí, điểm tựa vững chãi, thuyết phục cho mạch lập luận ngay từ phần mở đầu. Đây sẽ là căn cứ thống nhất để vạch tội kẻ thù, chỉ ra tính chất phi nghĩa của chúng, đồng thời cũng là cơ sở để khẳng định tính chính nghĩa thuận theo "lẽ phải" của ta (phần nội dung). Từ đó mới đanh thép, hùng hồn khẳng định xóa bỏ chế độ quân chủ, "tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam" -> Mạch lập luận thuyết phục người đọc ở tính logic chặt chẽ: từ

cơ sở lí luận đối chiếu vào thực tiễn, rút ra kết luận phù hợp, đích đáng không thể không công nhận.

Cách lập luận như trên chúng ta đã từng bắt gặp trong bản "TNĐL lần hai" của dân tộc – Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi). Trước khi lời "đại cáo" (báo cáo rộng khắp) cất lên cho ai nấy đều hay, điểm tựa lí luận quán xuyến được tác giả đặt ra là:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo. Từ "nguyên lí" chung đó, giặc minh trở thành kẻ Dối trời lừa dân đủ muôn nghìn kế – Gây binh kết oán trải hai mươi năm, còn quân ta trong tư thế Đem đại nghĩa để thắng hung tàn – Lấy chí nhân để thay cường bạo.

3/ Phân tích tuyên ngôn độc lập

3.1/ Phần mở đầu – Cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn độc lập:

– Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí:

+ Tuyên ngôn độc lập của Mỹ:

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc."

+ Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi."

– Ý nghĩa:

+ Vừa khôn khéo: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại

+ Vừa kiên quyết: Dùng lập luận Gậy ông đập lưng ông, lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng.

+ Ngầm gửi gắm lòng tự hào tự tôn dân tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau. Thế kỉ thứ XV trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn

Trãi đã sử dụng cấu trúc đăng đối, cân xứng để khẳng định tầm vóc của dân tộc mình: Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập – Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương. Nay trong bản TNĐL của HCM, cuộc vùng dậy phá tan xiềng xích của dân ta giành quyền làm người trong một đất nước có chủ quyền được sánh với những cuộc CM của các dân tộc thuộc địa Bắc Mĩ đấu tranh thoát khỏi ách thực dân Anh, cuộc CM Dân quyền và Nhân quyên của Pháp cuối thế kỉ XVIII.

– Trích dẫn sáng tạo:

+ Từ quyền bình đẳng, tự do, mưu cầu hạnh phúc của con người (tuyên ngôn của Mĩ và Pháp)

+ Bác suy rộng ra, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các dân tộc trên thế giới à Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.

=> Hồ Chí Minh mở đầu bản tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kiên quyết: "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được". Cụm từ "không ai chối cãi được" rõ ràng mang tính tranh biện, luận chiến. Đó là kết quả của sự nhạy cảm chính trị thiên tài ở một nhà CM lỗi lạc. Gắn với hoàn cảnh ra đời của bản TN, từ sự phân tích tình hình thực tiễn, người viết đã tiên cảm thấy có những kẻ đang có tình toan tính âm mưu "chối cãi", chà đạp lên "lẽ phải". Kẻ đó là TDP với luận điệu xảo trá, lừa bịp dư luận thế giới để quay lại đặt ách nô dịch. Kẻ đó là đế quốc Mĩ đang núp sau lưng quân Tưởng âm mưu nhòm ngó, can thiệp sâu vào Đông Dương.

3.2/ Nội dung – Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập:

a. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:

– Câu mở đầu đoạn 2:

"Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta." -> Câu chuyển tiếp, tương phản với các

lí lẽ của đoạn 1: thực dân Pháp đã phản bội lại tuyên ngôn thiêng liêng của tổ tiên chúng, phản bội lại tinh thần nhân đạo của nhân loại.

– Pháp kể công "khai hóa", Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:

+ Về chính trị: không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, thi hành luật pháp dã man, chia rẽ dân tộc, tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu

+ Về kinh tế: Cướp không ruộng đất, hầm mỏ; độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí.

+ Văn hóa – xã hội – giáo dục: lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện

-> Biệp pháp liệt kê + điệp từ chúng + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép à nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.

– Pháp kể công "bảo hộ", bản tuyên ngôn lên án chúng:

+ "Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật."

+ "Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng."

+ Vậy là trong 5 năm, chúng bán nước ta hai lần cho Nhật.

+ Hậu quả: làm cho "hơn hai triệu đồng bào của ta bị chết đói"

+ Ngược lại, Việt Minh đã cứu giúp nhiều người Pháp, bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

– Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:

+ Chính pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật.

+ Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn "nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng."

+ "Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa."

+ Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam:

- "Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa."
- "Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp."

=> Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.

b. Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:

– Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định:

+ Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.

+ Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay.

+ Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ.

-> Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.

– Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để tuyên bố: "thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam."

-> Không chịu sự lệ thuộc và xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp về nước Việt Nam (Đây là lời tuyên bố vô cùng tinh tế, sâu sắc và chặt chẽ: Chỉ xóa bỏ các quan hệ thực dân với Pháp chứ không xóa bỏ những quan hệ tốt đẹp, hữu nghị. Chỉ xóa bỏ những hiệp ước mà Pháp đã kí về đất nước Việt Nam, không phải là kí với đất nước Việt Nam).

– Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hai Hội nghị Tê – hê – răng và Cựu Kim Sơn để buộc các nước Đồng minh: "quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam."

– Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc: "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!"

-> Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế.

=> Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp… tạo nên âm hưởng hào hùng, đanh thép, trang trọng của đoản khúc anh hùng ca.

3.3/ Kết thúc – Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:

– Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập."

-> Những từ ngữ trang trọng: "trịnh trọng tuyên bố", "có quyền hưởng", sự thật đã thành" vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời KĐ một chân lí.

– Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy."

-. Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.

3.4/ Cảm xúc, tâm tư, tình cảm của Bác Hồ ẩn chứa trong tác phẩm:

Tuyên ngôn độc lập ra đời là một trong những niềm xúc động, hạnh phúc lớn lao nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của HCM như có lần Người từng tâm sự. Phía sau những lập luận chặt chẽ, sắc sảo, đanh thép, đầy tính đối thoại, xác định giá trị pháp lí của chủ quyền dân tộc, là dòng cảm xúc, tình cảm của người viết Tuyên ngôn. Bởi lẽ những lời tuyên bố trang trọng trên Quảng trường Ba Đình lịch sử hôm nay cho toàn thể dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới là kết quả bao nhiêu máu đã đổ của các chiến sĩ trên chiến trường, trong trại tập trung, trên máy chém, bao nhiêu

tính mạng đồng bào đã hi sinh. Mỗi dòng chữ là chan chứa niềm tự hào khi sánh CM dân tộc với những cuộc CM lớn trên thế giới. Mỗi dòng chữ là một niềm hạnh phúc vô biên khi đất nước đã được tự do, độc lập. Mỗi dòng chữ cũng là những đau đớn, nhức nhối khi nhìn lại bao rên xiết lầm than của nhân dân trong suốt hơn 80 năm qua dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Tuyên ngôn độc lập kết tinh quyết tâm, ý chí sắt đá của toàn dân tộc điệp đi nhấn lại như một lời thề sắt đá: "Toàn thể dân tộc VN quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Và như vậy, sức thuyết phục của áng văn chính luận đối với người đọc không chỉ ở hệ thống lập luận sắc sảo, mẫu mực của nó, mà còn ở tình cảm chan chứa, sâu sắc của tác giả.

3.5/ Nghệ thuật:

Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:

– Lập luận: chặt chẽ, thống nhất từ đầu đến cuối (dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc)

– Lí lẽ: xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc.

– Dẫn chứng: xác thực, lấy ra từ sự thật lịch sử

– Ngôn ngữ: đanh thép, hùng hồn, chan chứa tình cảm, cách xưng hô bộc lộ tình cảm gần gũi.

Tình cảm: Lòng yêu nước thương dân nồng nàn, sâu sắc.

4/ Tổng kết:

– TNĐL là 1 văn bản ngắn gọn khúc chiết khẳng định quyền tự do bất khả xâm phạm của dân tộc VN; có tính chiến đấu cao đập tan luận điệu của kẻ thù xâm lược nước ta.

– TNĐL thể hiện tầm tư tưởng; tầm văn hoá lớn của tư tưởng yêu nước & căm thù giặc sâu sắc của HCM, xứng đáng là một bản hùng văn của dân tộc ta.

* Những ý kiến nhận xét rất hay về Tuyên ngôn độc lập:

1/ Nhà Văn Nguyễn Công Hoan: "Với một nội dung ngắn gọn, súc tích được thể hiện bằng thể văn chính luận mẫu mực, sâu sắc, lập luận chặt chẽ lí lẽ sắc sảo mà vẫn dung dị, gần gũi, thuyết phục, đi sâu vào lòng người. Tuyên ngôn độc lập của HCM thực sự là một văn kiện lịch sử vô giá, một bản anh hùng ca cách mạng của dân tộc ta, đất nước ta".

2/ Nhà sử học Dương Trung Quốc: "Tuyên ngôn độc lập Việt Nam không chỉ là tấm giấy khai sinh cho một nhà nước Việt Nam theo thể chế Dân chủ – Cộng hòa và theo đuổi mục tiêu Độc lập –Tự do – Hạnh phúc mà còn đóng góp cho sự nghiệp giải phóng nhân loại bằng một sự "suy rộng ra" thành một chân lí mang tầm thời đại".

3/ Giáo sư Trần Trọng Đăng Đàn: "Rất giản dị mà lại rất vững chãi". Giản dị vì ai cũng hiểu. Vững chãi vì không ai bẻ được, vì nó lấy thực tế sôi bỏng của cách mạng làm cốt lõi, vì nó bắt nguồn từ lòng yêu thương kính trọng quần chúng, nhân dân".

4/ Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh: "Tài nghệ ở đây là đã dàn dựng một lập luận chặt chẽ, đưa ra những luận điểm, những bằng chứng không ai chối cãi được. Và đằng sau lí lẽ ấy là một tầm tư tưởng, tầm văn hóa lớn đã tổng kết được trong một văn bản ngắn gọn, trong sáng, khúc cfiết, kinh nghiệm của nhiều thế kỉ đấu tranh giành độc lập, tự do, vì nhân quyền, dân quyền của dân tộc, nhân loại".

PHÂN TÍCH "TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP" CỦA HỒ CHÍ MINH

Trong sự nghiệp sáng tác của Hồ Chí Minh, thơ và truyện chỉ chiếm một phần nhỏ còn chủ yếu là văn nghị luận, những tác phẩm chủ yếu phục vụ cho sự nghiệp chính trị của Người. Trong số những tác phẩm của Bác có những kiệt tác sánh ngang với các thiên cổ hùng văn của dân tộc thì Tuyên ngôn Độc lập là tác phẩm tiêu biểu nhất.

Tác phẩm có giọng văn hùng hồn thống thiết, có lí luận chặt chẽ sắc bén, có sức thuyết phục cao đối với người đọc và người nghe- Bản Tuyên ngôn Độc lập là kết quả của bao nhiêu máu đã đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hi sinh của những con người anh hùng Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường. "Bản tuyên ngôn Độc lập" là kết quả của bao nhiêu hi vong, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam (Trần Dân Tiên).

Tuyên ngôn Độc lập mở đầu là nêu thẳng vấn đề. Người nêu những căn cứ pháp lí, "những lẽ phải không ai chối cãi được". Đó là những câu tuyên bố nổi tiếng được Bác rút ra từ hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của Pháp và Mĩ. Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mĩ: "Tất cả mọi người đều sinh ra… mưu cầu hạnh phúc". Để làm nổi bật tính phổ biến của những lẽ phải, Người còn nêu những lời trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp năm 1791: "Người ta sinh ra… về quyền lợi). Cách nêu dẫn chứng như thế vừa khéo léo vừa kiên quyết. Khéo léo vì tỏ ra tôn trọng chân lí chung dù chân lí ấy của các nước đang là kẻ thù gây ra. Cách nêu dẫn chứng ấy cũng hàm chứa một sự phê phán. Thực dân Pháp và đế quốc Mĩ- những kẻ xâm lược đã chà đạp lên chân lí, chà đạp lên lương tâm và lý tưởng của cha ông chúng. Đó là cách dùng lí lẽ của kẻ thù để chống lại kẻ thù, dùng gậy ông đập lưng ông. Hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ đều nhấn mạnh quyền con người, Bác nói thêm về quyền dân tộc. Câu nói của Người mở đầu cho trào lưu giải phóng dân tộc trên khắp thế giới. Đồng thời, đặt Bản tuyên ngôn của nước ta ngang hàng với hai bản tuyên ngôn đã nêu.

Bác lập luận như vậy là để kết tội thực dân Pháp. Những lời bất hủ trong hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ đã trở thành cơ sở pháp lý để Bác kết tội thực dân Pháp. "Thế mà đã hơn 80 năm nay… nhân đạo và chính nghĩa" Sau khi kết thúc một cách khai quát tội ác của thực dân Pháp, bản tuyên ngôn nêu lên những dẫn chứng cụ thể để lật mặt nạ "bảo hộ" của thực dân Pháp trước toàn thể nhân loại: "Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho… dân chủ nào". Lời kể tội của tác giả hùng hồn và đanh thép. Cách lập luận trùng điệp như: "Chúng thi hành…", "Chúng lập ra…". "Chúng thẳng tay chém giết…" thể hiện được tội ác chồng chất của thực dân Pháp đối với nhân dân ta. Cách dùng hình ảnh của tác giả làm nổi bật sự tàn bạo của thực dân Pháp: "Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước… chúng tắm các cuộc… bể máu".

Về kinh tế, Bác cũng kết tội thực dân Pháp từ khái quát đến cụ thể "Chúng bóc lột dân ta đến… tiêu điều". Bác quan tâm đến những hạng người như: "dân cày và dân buôn trở nên bần cùng", "chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên". Lập luận như vậy là Bác muốn tranh thủ sự ủng hộ của khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc bảo vệ nền Độc lập. Cả đoạn văn tác giả chỉ dùng một chủ ngữ "chúng" để chỉ thực dân Pháp, nhưng vị ngữ thì luôn thay đổi: "thi hành", "lập ra", "thẳng tay chém giết", "tắm"… chỉ một ke thù là thực dân Pháp nhưng tội ác của chúng gây ra trên

đất nước ta vô cùng nhiều. Cách lập luận đanh thép cùng với những dẫn chứng cụ thể khiến kẻ thù hết đường lẩn tránh tội ác.

Tội ác lớn nhất của thực dân Pháp gây ra là nạn đói khủng khiếp năm 1945: "Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căm cứ đánh đồng minh thì thực dân Pháp quì gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó, nhân dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó, nhân dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói".

Tác giả cũng không bỏ xót nhữung tội ác khác của bọn thực dân Pháp như "trong năm năm chung bán… cho Nhật", tội thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa, tội "giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng."

Người kết tội thực dân Pháp một cách hùng hồn và đanh thép như vậy nhằm phơi bày bản chất tan bạo, dã man của thực dân Pháp, lột mặt nạ "khai hoá', "bảo hộ" của chúng trước nhân dân thế giới, khơI lòng căm thù của nhân dân ta với thực dân Pháp.

Tác giả biểu dương sức mạnh dân tộc tổngcông cuộc chống thực dân phong kiến và giành lấy nền Độc lập "Pháp chạy, Nhật hàng…chế độ dân chủ cộng hoà". Đoạn văn này diễn tả đầy hào khí. Chỉ có 9 chữ "Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị", Bác dựng lại cả một giai đoạn lịch sử đầy biến động và cực kì oanh liệt của dân tộc ta. Biểu dương truyền thống bất khuất của dân tộc, tác giả nhằm kích thích tinh thần tự hào dân tộc, kích thích ý chí chiến đấu để nhân dân ta quyết tâm chống lại âm mưu của thực dân Pháp.

Tiếp theo, Người nêu cơ sở chính nghĩa của việc thành lập nước Việt Nam mới. Việt Minh là tổ chức cách mạng của toàn bộ dân tộc Việt Nam. Việt minh đã đứng về phe đồng minh, đã chống lại thực dân Pháp và phát xít Nhật và đã giành chính quyền từ tay Nhật. Hai lần Người nhấn mạnh nền Độc lập của đất nước bằng những câu văn điệp ngữ mạnh mẽ: "Sự thật là…".

Trên cơ sở ấy, Người tuyên bố thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ với thực dân Pháp, xoá bỏ trên đất nước Việt Nam…"

Cuối cùng thay mặt cho cả một dân tộc vừa giành được tự do độp lập. Người nêu lời thề "quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cảI để giữ vững quyền

tự do Độc lập ấy"- Tuyên ngôn Độc lập là kiệt tác của Hồ Chí Minh. Bằng tâm huyết và tài hoa, Người đã thể hiện được khí phách của một dân tộc đang vùng dậy chống đế quốc, thực dân phong kiến, giành Độc lập tự do cho nước nhà. Với Tuyên ngôn Độc lập, lần đầu tiên Việt Nam hiện diện trên trường quốc tế với tư cách là một nước tự do và Độc lập và nhân dân thế giới cũng thấy được tinh thần quyết tâm bảo vệ nền Độc lập của dân tộc Việt Nam.

Tuyên ngôn Độc lập trước hết là một văn kiện lích sử. Nó là bản văn quan trọng bậc nhất của nước ta. Để có được Tuyên ngôn Độc lập, biết bao đồng bào, đồng chí đã hy sinh trong suốt 80 năm chống Pháp. Tuyên ngôn Độc lập là một cột mốc lịch sử, nó chấm dứt giai đoạn mất nước, giai đoạn nhân dân ta sống kiếp ngựa trâu, nô lệ của dân tộc, nó mở đầu một kỉ nguyên mới: ki nguyên Độc lập tự do.

Với hệ thống lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, giọng văn hùng hồn, thống thiết, Tuyên ngôn Độc lập xứng đáng sánh ngang với các bản tuyên ngôn trên thế giới và các thiên cổ hùng văn của các dân tộc khác như Hích tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn, Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi…

CHỨNG MINH "TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP" LÀ ÁNG VĂN CHÍNH LUẬN MẪU MỰC.

"Tuyên ngôn độc lập" (1945) của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời trong hoàn cảnh lịch sử đất nước nguy vong: chính quyền cách mạng còn non trẻ hải đương đầu với bao khó khăn chồng chất. Bản tuyên ngôn phải đòng thời làm hai nhiệm vụ: vừa khẳng định nền độc lập của dân tộc, vừa phủ định lí lẽ bịp bợm của bọn thực dân cướp nước trước dư luận thế giới. Hiểu như thế mới thấy được vì sao HCM lại dùng những lí lẽ đanh thép, những lập luận chặt chẽ, những bằng chứng không thể chối cãi được để viết nên áng văn chính luận mẫu mực. Không chỉ vậy, văn kiện lập quốc này còn là tấm lòng yêu nước nồng nàn, niềm tự hào dân tộc mãnh liệt, sự khao khát độc lập tự do và ý chí quyết tâm bảo vệ tự do, độc lập của nhân dân Việt Nam ở HCM.

Khi HCM đọc bản tuyên ngôn thì ở phía Nam, thực dân Pháp núp sau lưng quân đọi Anh đang tiến quân vào Đông Dương; còn ở phía Bắc 20 vạn quân Tưởng tay sai của đế quốc Mĩ đã chực sẵn ở biên giới. Vậy đối tượng của bản tuyên ngôn không

chỉ là đồng bào cả nước, là nhân dân thế giới nói chung; mà trước hết là bọn thực dân, đế quốc đang âm mưu tái chiếm nước ta.

Bản tuyên ngôn đã giải quyết vấn đề bức thiết ấy với những lập luận chặt chẽ và đanh thép ngay từ phần mở đầu. HCM mở đầu bản tuyên ngôn bằng cách trích dẫn lời hai bản tuyên ngôn bất hủ của Mĩ và Pháp: "Tất cả mọi người đều sinh ra tự do và bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc" (Tuyên ngôn độc lập của nước Mĩ); "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi" (Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp). Bởi lẽ bấy giờ, tư tưởng tiến bộ của những nước lớn, nước tư bản đang có ảnh hưởng mạnh mẽ trên thế giới. Việc trích dẫn tuyên ngôn của hai nước lớn Pháp và Mĩ sẽ dễ tạo được thông suốt, sự công nhận tức thời, được nhiều nước thừa nhận. Nếu thế giới đã công nhận quyền độc lập, tự do, dân chủ, bình đẳng của Mĩ, của Pháp thì sẽ phải công nhận quyền độc lập tự do của Việt Nam. Bản tuyên ngôn của Việt Nam đã có một cơ sở pháp lí chính nghĩa rất vững vàng.

Cách trích dẫn ấy còn là chiến thuật sắc bén của Hồ Chí Minh khéo léo và kiên quyết. Khéo léo, vì HCM tỏ ra trân trọng những danh ngôn bất hủ của người Pháp , người Mĩ. Kiên quyết vì HCM đã nhắc nhở họ đừng phản bội tổ tiên mình, đừng làm vấy bẩn lên ngọn cờ nhân đạo và chính nghĩa của ngững cuộc cách mạng vĩ đại. Ngoài ra mở đầu như thế còn có ý nghĩa gợi lên niềm tự hào dân tộc to lớn. Bản tuyên ngôn nước ta đặt ngang hàng với hai bản tuyên ngôn của hai nước lớn: Pháp và Mĩ, tức là đặt ngang hàng ba cuộc cách mạng, ba nền độc lập, ba quốc gia. Thật đáng tự hào, vì cuộc cách mạng tháng Tám 1945 đã giải quyết nhiệm vụ của cả cách mạng Mĩ (1776) và cách mạng Pháp (1791). Bản tuyên ngôn đã nêu rõ: "Dân ta đã đánh đổ

các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập", đó là nhiệm vụ của cách mạng Mĩ: đấu tranh giải phóng dân tộc; và "Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế đọ Dân chủ Cộng hòa", đó là tinh thần cơ bản của cuộc cách mạng nhân quyền, dân quyền của Pháp.

Hồ Chí Minh chặn đứng ngay âm mưu xâm lược của kẻ thù một cách thấu tình đạt lí trong ý kiến suy rộng ra: "Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền tự do và

quyền mưu cầu hạnh phúc.”. Cách suy rộng ra ấy vừa dễ hiểu lại vừa có nghĩa lớn lao đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Ta có thể xem câu suy rộng ra ấy của HCM như phát súng lệnh mở đầu cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa, sẽ làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân vào nửa sau thế kỉ XX. HCM đã kết lại phần mở đầu với một câu nói chắc nịch, thể hiện rõ quan điểm của Người: “Đó là những lẽ phải không ai có thể chối cãi được”. Vậy có nghĩa là, quyền độc lập của dân tộc Việt Nam đã có một căn cứ sâu xa, một hậu thuẫn vô cùng vững chắc. Cũng có nghĩa là thực dân Pháp không được đi ngược lại với “những lẽ phải” của tổ tiên họ.

Bọn thực dân để chuẩn bị cho cuộc tái chiếm nước ta, chúng đã tung ra trước dư luận thế giới những lí lẽ bịp bợm: Đông Dương vốn là thuộc địa của Pháp, Pháp có công khai hóa đất nước này, nay trở lại là lẽ đương nhiên, khi phát xít Nhật đã bị Đồng Minh đánh bại. Thực dân pháp kể công khai hóa Đông Dương thì bản tuyên ngôn đã bóc trần bản chất cướp nước của chúng bằng một hệ thống dẫn chứng xác đáng, thuyết phục và những lí lẽ đanh thép, hùng hồn. Từ chuyển ý “thế mà” như một điểm tựa, một đòn bẩy bất ngờ hất tung bộ mặt xảo trá của bọn thực dân Pháp, phơi bày chân tướng giấu sau chiêu bài văn minh, khai hóa, bảo hộ thực chất là xâm lược, là cướp nước. Bằng một câu văn chắc gọn: “Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa” , HCM đã kết tội bọn thực dân nói điều nhân nghĩa làm điều phi nghĩa. Để đập tan luận điệu xảo trá này của thực dân, HCM đã đưa ra những dẫn chứng chọn lọc cụ thể, xác đáng, toàn diện vạch ra tội ác dã man, tàn bạo của thực dân pháp chủ yếu trên hai lĩnh vực chính trị và kinh tế.

14 câu văn dẫn ra hàng loạt tội ác điển hình của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ đô hộ nước ta, mà chúng cho là văn minh, khai hóa. Những hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. Tự do dân chủ là quyền cơ bản của con người nhưng từ khi Thực dân Pháp bước chân vào Việt Nam đã “tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào”. Chúng đã biến Việt Nam thành thuộc địa, người dân thành nô lệ. Và còn hàng loạt những chính sách bóc lột vô cùng tàn nhẫn khác được HCM nêu ra: “Chúng thi hành những luật pháp dã man./ Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học./ Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu. Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”. Cuối cùng chúng gây ra nạn đói khiến “từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn gai triệu đồng bào ta bị chết đói”. Với những dẫn chứng

xác thực, không thể chối cãi được và cách lập luận chặt chẽ, đanh thép, HCM đã kết tội cướp nước của bọn thực dân Pháp một cách hùng hồn. HCM lại đập tan mọi luận điệu xảo trá, bịp bợm mà bọn chúng đã tung ra trước dư luận thế giới.

Nếu thực dân Pháp kể công "bảo hộ" thì bản tuyên ngôn đã lên án: "Thế là chẳng những chúng không bảo hộ được ta, trái lại, trong 5 năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật". Những dẫn chứng mà HCM đưa ra đều là những sự kiện, bằng chứng lịch sử. Mùa thu năm 1940, Nhật xâm lược Đông Dương thì pháp đã "quì gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật". Cách dùng từ ngữ đầy mỉa mai của HCM đã vạch trần bản chất bạc nhược, đê hèn của bọn thực dân Pháp. Chính sự thỏa hiệp đó của chúng đã khiến nhân dân ta phải chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Ngày 9/3/1945 khi Nhật đảo chính, "bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng" để nước ta rơi vào tay Nhật. Đoạn văn thể hiện sự khôn khéo và tài hùng biện chặt chẽ, vững vàng của HCM trước một bài toán khó liên quan đến vận mệnh của cả dân tộc Việt Nam khi đó. Thực dân Pháp là kẻ thù của ta. Nhưng ta và Pháp lại cùng thuộc Đồng minh, cùng một hàng ngũ. Vậy vừa là kẻ thù, vừa là bạn. HCM đã khéo léo loại bỏ bọn thực dân Pháp ở Đông Dương ra khỏi hàng ngũ Đồng Minh. Thứ nhất, chúng đã bán Việt Nam cho phát xít Nhật để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh. Thứ hai, chúng cự tuyệt liên minh để chống phát xít. Thứ ba, chúng khủng bố những người Đồng Minh chống phát xít. Với những bằng chứng lịch sử rõ ràng, sáng tỏ HCM đã kết tội bọn thực dân Pháp ở Đông Dương phản bội Đồng Minh, không thực hiện nghĩa vụ chống phát xít.

HCM còn khẳng định thực dân Pháp không có quyền quay trở lại Việt Nam bởi Việt Nam đã không còn là thuộc địa của Pháp nữa: "Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa". Vì Pháp đã bán Việt Nam cho Nhật, Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp. Và "Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp". Điệp từ "sự thật là" lặp lại như một điệp khúc, làm tăng âm hưởng hùng hồn, đanh thép, chắc chắn cho bản tuyên ngôn. Vì sức mạnh của chính nghĩa bao giờ cũng là sức mạnh của sự thật. Đó là một thành công trong nghệ thuật lập luận chặt chẽ, thuyết phục người đọc của HCM. Thực dân Pháp không có công khai hóa, bảo hộ Việt Nam, Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp, Pháp không thể vin cớ gì để quay trở lại Việt Nam. Đây là một lập luận hết sức chặt chẽ, kín kẽ; một lí lẽ đanh thép,

đầy sức thuyết phục của HCM. Qua đó, ta càng công nhận Tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận sắc sảo, hùng hồn.

Tuy nhiên để làm nên một áng văn chính luận mẫu mực thì chỉ có lập luận và dẫn chứng thôi là chưa đủ. Trong bản tuyên ngôn, để vạch trần tội ác dã man, tàn bạo của bọn thực dân , HCM còn sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh kết hợp với giọng điệu câu văn thay đổi để thể hiện những cung bậc cảm xúc khác nhau. Điều đó góp phần tạo sức thuyết phục cho người đọc thông qua những cảm xúc giản dị nhất, chân thật nhất của Người. Điều ấy làm cho lời kết tội thêm xúc động thấm thía, nghẹn ngào: "Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu", "Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy",… Dường như cảm xúc tới đây đã nghẹn lại trong câu văn ngắn, một đoạn văn ngắn. HCM còn sử dụng những từ đồng nghĩa đi sóng đôi với nhau để khắc sâu hình ảnh đất nước ta sau hơn 80 năm bị thực dân Pháp dày xéo: "Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều". Việc sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh cảm xúc cùng cấu trúc ngữ pháp điệp liên tiếp trong 14 câu văn đã góp phần cho lời kể tội ác thực dân của HCM càng hùng hồn, đanh thép hơn nữa. Những chính sách ấy thực chất đã vi phạm quyền con người. Tuyên ngôn độc lập còn là áng văn chính luận xúc động lòng người được bộc lộ từ tấm lòng yêu nước nồng nàn ở HCM. Tấm lòng ấy đã truyền vào từng lời văn khi tha thiết tự hào, khi hùng hồn đanh thép gây xúc động mạnh mẽ đối với người đọc. Trong đoạn văn kể tội bọn thực dân Pháp giọng văn của HCM chia ra làm hai gam giọng rõ ràng trong từng vế câu văn. Vế câu kể tội ác của giặc thì giọng văn sôi trào, đanh thép, phẫn nộ căm thù, vế câu nêu hậu quả của người dân Việt Nam phải gánh chịu thì nghẹn ngào, trầm lắng, xót xa, u uất. Những đoạn văn dài ngắn xô đẩy xen kẽ nhau như nhịp cảm xúc lên xuống thổn thức theo đau thương và dồn nén căm hờn, khi lại sôi trò đanh thép. Đoạn văn gợi ta nhớ đến bản chép tội giặc Minh của Nguyễn Trãi xưa: "Độc ác thay trúc Lam Sơn không ghi hết tội/ Dơ bẩn thay nước Đông Hải không rửa hết mùi". Ta cũng có thể nói như thế với thực dân Pháp. Vì đây không phải lần đầu tiên HCM kết tội thực dân Pháp. Có lẽ đây chỉ là những dòng văn cuối cùng của một "Bản án chế đọ thực dân Pháp" mà HCM đã lập hồ sơ từ những năm 20. HCM không luận tội mà kết tội trực tiếp, tuyên án thực dân Pháp trước dư luận thế giới. Có cảm giác HCM như một vị quan tòa đang cất cao lời buộc tội chủ nghĩa thực dân, còn bọn thực dân Pháp hiện ra như bị cáo bị vạch tội trước công luận thế giới.

Từ những lí lẽ trên, HCM trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Quyền tự do, độc lập ấy phù hợp với "lẽ phải không ai chối cãi được", là kết quả đấu tranh xương máu, bền bỉ của biết bao con người suốt gần 100 năm. HCM đã khẳng định: "sự thật đã thành nước tự do, độc lập". Nghĩa là, nền độc lập không phải cái ta cần phải có, mà nó đã là sự thật, ta đã có, đã giành được. Từ nay nước Việt Nam độc lập tự do đã được cả thế giới công nhận. Song do chính quyền cách mạng còn rất non trẻ đã phải đương đầu với bao khó khăn chồng chất, vì thế HCM không thể nói như Nguyễn trãi xưa:

"Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới".

Bởi, kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất đe dọa nền độc lập của dân tộc ta khi ấy là bọn thực dân Pháp còn đang âm mưu tái chiếm nước ta. Đẩy lùi nguy cơ ấy sẽ phải là cuộc chiến đấu vũ trang lâu dài của toàn dân. Theo tư tưởng HCM cho rằng: "Độc lập tự do là quyền thiêng liêng nhất, là tài sản quý giá nhất mà mỗi dân tộc cần giành và giữ lấy". Trong phần tuyên ngôn chính thức này, một lần nữa HCM lại sử dụng cách lập luận hết sức chặt chẽ, sắc sảo của thể loại văn chính luận.

Bản tuyên ngôn chính thức khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nó nêu cao tinh thần, khát vọng tự do, hạnh phúc cảu dân tộc Việt Nam, đánh dấu trang sử vẻ vang nhất trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc. Tuyên ngôn độc lập còn là áng văn chính luận mẫu mực của nền văn học Việt Nam.

SO SÁNH 3 BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA VIỆT NAM: NAM QUỐC SƠN HÀ (LÝ THƯỜNG KIỆT) – BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO (NGUYỄN TRÃI) – TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (HỒ CHÍ MINH)

1. Điểm giống nhau

– Khẳng định chủ quyền, quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam.

– Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, đồng bào.

- Tố cáo tội ác của giặc, vạch trần bộ mặt gian xảo của chúng đồng thời ca ngợi, tôn vinh con người Việt Nam.

Mở đầu, bài phú viết: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau song hào kiệt đời nào cũng có…". Phần giữa bản tuyên ngôn phản ảnh tình hình chống giặc giữ nước của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trong quá trình kháng chiến mười năm gian khổ nhưng luôn chiến thắng và liệt kê sự hao binh tổn tướng của quân giặc. Cuối cùng, bài văn kết luận: " Giang sơn từ đây mở mặt, xã tắc từ đây vững bền. Nền vạn thế xây nên chắc chắn, thẹn ngàn thu rửa sạch làu làu" .

Mở lời tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn bản tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ để dẫn chứng về sự độc lập, tự do dân chủ của dân tộc: " Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc ". Có điều kỳ lạ và độc đáo nhất là bản tuyên ngôn độc lập 1776 của Hoa Kỳ do Tổng thống Thomas Jefferson (1743-1826) nhiệm kỳ 1801-1809, vị tổng thống thứ ba của nước Mỹ, sau Benjamin Franklin và George Washington soạn thảo và được Quốc hội thông qua, lại được một nhà tình báo của Mỹ tiền thân của CIA cung cấp cho Hồ Chí Minh bằng cách thả dù xuống chiến khu Việt Bắc trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, do chính Hồ Chí Minh yêu cầu trước đó khi hai người gặp nhau ở một thị trấn miền Nam Trung Quốc. Và chính nhà tình báo thân thiện này đã được đọc bản thảo Tuyên ngôn tại Hà Nội trước khi công bố ngày 2/9/1945.

Như vậy, ở ba thời kỳ khác nhau, ba bản tuyên ngôn độc lập tuy lời lẽ có khác nhau nhưng đều có cùng một nội dung là dân tộc ta tự khẳng định quyền tự do dân chủ và đoàn kết thống nhất ý chí đánh đuổi ngoại xâm giải phóng đất nước để giành lại nền độc lập bền vững. Bản tuyên ngôn độc lập thứ ba là tuyên ngôn của một chính phủ dân chủ cộng hòa thời kỳ mới, thời kỳ hội nhập vào cộng đồng thế giới, thời kỳ cáo chung của chế độ phong kiến, chủ nghĩa thực dân và đế quốc tiến tới xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa theo đường lối Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Điểm khác nhau

a. Hoàn cảnh sáng tác, đối tượng:

Ba bản tuyên ngôn ra đời trong ba hoàn cảnh khác nhau, hướng tới những đối tượng cụ thể khac nhau.

– Nam quốc sơn hà: Bắt đầu thời nhà Lý, dưới triều vua Lý Nhân Tông (1072-1127), tháng chạp năm BínhThìn (1076), sau khi hội quân với Chiêm Thành và Chân Lạp nhà Tống (Trung Quốc) đưa quân sang xâm chiếm nước ta vào đến sông Như Nguyệt (nay là sông Cầu thuộc làng Như Nguyệt, Bắc Ninh). Vua Lý Nhân Tông sai tướng Lý Thường Kiệt đem quân chặn đánh nhưng quân giặc dùng súng bắn đá gây tổn thất cho ta rất nhiều. Lý Thường Kiết hết sức điều động dân quân chống giữ không cho giặc sang sông, nhưng lại lo quân mình ngã lòng, bèn ngâm lớn bài thơ có bốn câu bằng chữ Hán nói là của thần linh mách bảo để động viên, cổ cũ quan quân dốc lòng đánh giặc. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần II của nhà Lý

– Bản tuyên ngôn độc lập thứ hai là bài Bình Ngô đại cáo do Nguyễn Trãi soạn để bá cáo (công bố) cho thiên hạ biết sau khi Bình Định Vương Lê Lợi tổ chức thành công cuộc kháng chiến mười năm chống giặc ngoại xâm nhà Minh (1418-1427).

– Bản Tuyên ngôn độc lập thứ ba do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và tuyên đọc ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình – thủ đô Hà Nội khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Văn kiện lịch sử này không phải chỉ được đọc trước quốc dân đồng bào mà còn trước thế giới, đặc biệt là trước bọn đế quốc thực dân đang chuẩn bị tái chiếm nước ta.

Mặt khác, tại thời điểm này thực dân Pháp tuyên bố: Đông Dương là đất bảo hộcủa người Pháp bị Nhật xâm chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương đương nhiên phải trở lại với người Pháp. Bản tuyên ngôn đã dứt khoát bác bỏ những luận điểm đó. Vì vậy đối tượng hướng tới của văn bản này, không chỉ là hai mươi triệu đồng bào Việt Nam để khẳng định quyền độc lập dân tộc, nhân dân tiến bộ thế giới để tranh thủ sự ủng hộ mà còn hướng đến bọn đế quốc: Anh, Pháp, Mỹ nhằm ngăn chặn mọi âm mưu xâm lược của chúng.

b. Cách khẳng định chủ quyền:

– Nam quốc sơn hà: chủ quyền được khẳng định trên 2 phương diện: bờ cõi, vua được ghi trong sách trời – lực lượng siêu nhiên thần bí.

– Bình Ngô Đại Cáo: chủ quyền được khẳng định trên nhiều phương diện hơn: tên nước, nền văn hiến, bờ cõi, phong tục, triều đại, anh hùng, hào kiệt – các phương diện sánh ngang với Trung Quốc.

– Tuyên Ngôn Độc Lập: Đưa ra lập luận để khẳng định chủ quyền trên 2 phương diện: VN có quyền được hưởng tự do độc lập. Sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Từ đó mới tuyên bố độc lập. Đây là cách lập luận khoa học, chặt chẽ, thuyết phục.

c. Lòng yêu nước, thương dân:

– Nam Quốc Sơn Hà: đề cập đến theo quan niệm Nho giáo, trung quân ái quốc. Yêu nước là yêu vua, yêu vua là yêu nước. Chủ quyền của nước chính là chủ quyền của vua.

– Bình Ngô Đại Cáo: Quan niệm lấy dân làm gốc, yêu nước là yêu nhân dân: dân đen, con đỏ

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”

Nhân dân là tầng lớp đáng thương nhất trong chiến tranh. Họ là nhân dân Đại Việt.

Đây là quan niệm có tiến bộ nhưng chưa rộng mở.

– Tuyên Ngôn Độc Lập: Yêu nước là yêu nhân dân đất nước, là đem lại độc lập cho dân tộc và dân chủ cho nhân dân "Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ …". Tình yêu con người được đề cập đến rộng rãi hơn, con người trên toàn thế giới. Quan niệm tư tưởng tiến bộ của con người trong thời đại mới.

d. Cách mở đầu:

Nam quốc sơn hà, Lý Thường Kiệt vào đầu bằng một lời tuyên ngôn đanh thép: Nam quốc sơn hà Nam đế cư (sông núi nước Nam vua Nam ở); trong Bình ngô đại cáo, Nguyễn Trãi đã khẳng định một chân lý lịch sử: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo thì Tuyên ngôn độc lập mở đầu bằng cách trích dẫn hai câu nói nổi tiếng trong hai bản tuyên ngôn của thế giới. Câu thứ nhất được trích từ Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776: Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa đã cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Câu thứ hai được rút ra từ bản Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền Cách mạng Pháp năm 1791: Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi. Đây là một dụng ý chiến lược và chiến thuật của Bác. Người muốn dùng lời của ông cha người Pháp và người Mỹ để đập vào lưng của con cháu họ, dùng cây gậy độc lập tự do đánh vào lưng những kẻ thù của độc lập tự do. Nếu câu mở đầu của Nam quốc sơn hà là lời khẳng định chủ quyền dân tộc, mở đầu của Bình Ngô đại cáo là một triết lí nhân nghĩa gắn với an dân thì mở đầu của Tuyên ngôn độc lập là một lời tranh luận ngầm nhằm lột tẩy những mưu mô thủ đoạn của bọn thực dân. Cách trích dẫn ấy vừa tạo được cơ sở vững chắc cho Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam, vừa sảng khoái niềm tự hào dân tộc. Như ngày xưa Nguyễn Trãi đã từng viết: Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập – Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương nhằm đặt ngang hàng các triều đại nước Việt với các triều đại Trung Hoa cổ.

e. Cách tố cáo tội ác của giặc:

-Nam Quốc Sơn Hà: lời vạch trần tội ác của quân xâm lược, là lời dự báo cho số phận của bọn cướp nước tội xâm phạm đất nước khác.

-Bình Ngô Đại Cáo: Ức Trai tiên sinh đã từng vạch tội giặc Minh mượn gió bẻ măng, lợi dung thời cơ phù Trần diệt Hồ để thôn tính nước ta: Nhân họ Hồ chính sự phiền hà – Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa. Năm xưa, Nguyễn Trãi đã khái quát lại tội ác tày trời và chủ trương cai trị phản nhân đạo của giặc Ngô qua hai câu thơ: Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn- Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.

– Trong tác phẩm của mình, Bác đã dùng lập luận bác bỏ để vạch trần năm tội ác về chính trị, bốn tội ác về kinh tế của thực dân Pháp. Nếu nước mẹ Pháp đưa ra chiêu bài bảo hộ thì Nguyễn Ái Quốc đã vạch rõ: Trong năm năm, chúng bán nước ta cho Nhật… Ở Tuyên ngôn độc lập, với văn phong đĩnh đạc, giàu tính luận chiến, Bác đã viết: Chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Với cách lặp kết cấu cú pháp, điệp ngữ "chúng", kết cấu song hành, tăng tiến, Tuyên ngôn độc lập là bản tuyên cáo chi tiết những hành động tham tàn bạo ngược của giặc Tây trên đất nước Việt Nam.

Đặc biệt, ở Tuyên ngôn độc lập, với những dẫn chứng, số liệu cụ thể, bằng ngòi bút giàu sức chiến đấu, Nguyễn Ái Quốc còn vạch rõ thủ đoạn thâm độc của chính sách ngu dân, cai trị dân tộc Việt Nam bằng rượu và thuốc phiện, lập nhà tù nhiều hơn trường học. Nước Pháp ở thời điểm này đang rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế; thay vì đổ xuống biển hàng tấn rượu thì bọn thực dân đã mở rộng khai thác thuộc địa sang các nước Đông Dương và biến các nước này trở thành nơi tiêu thụ hàng hóa ế thừa của chúng.

Vì vậy chúng cấm người dân Việt Nam không được nấu rượu bằng các sản vật địa phương như gạo, mía, sắn mà phải dùng rượu Pháp. Trở lại những năm ba mươi của thế kỷ hai mươi, ta mới thấy hết được không khí ngột ngạt, đau khổ của thôn xóm Việt Nam. Khắp nơi, bọn tay sai phong kiến và thực dân Pháp truy tìm, bắt bớ bỏ tù hàng ngàn người dân vì tội nấu "rượu lậu". Bên cạnh đó, bọn chúng cho phép các tiệm hút được mở công khai ở Hà Nội, Hải Phòng nhằm làm suy nhược sức khỏe và băng hoại ý chí đấu tranh của tầng lớp thanh niên ta. Lên án âm mưu thâm độc này, trong Tuyên ngôn độc lập, Bác viết: Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

g. Tính chất chính nghĩa, thái độ khoan hồng và nhân đạo:

Nam Quốc Sơn Hà: sách trời đã định, không thể thay đổi.

Trong Tuyên ngôn độc lập, Bác đã ngợi ca thái độ khoan hồng và nhân đạo của người dân đất Việt: Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng, tài sản cho họ. Tinh thần nhân nghĩa đó vốn xuất hiện từ lâu trong đạo lý dân tộc: Đánh kẻ chạy đi không ai đánh người chạy lại.

Nguyễn Trãi: Đem đại nghĩa để thắng hung tàn – Lấy chí nhân mà thay cường bạo. Tư tưởng nhân nghĩa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong Bình Ngô đại cáo và cuộc đấu tranh chống quân Minh của quân dân Đại Việt.

h. Tuyên bố độc lập:

Lời kết thúc Bình Ngô đại cáo với sự hòa quyện giữa cảm hứng độc lập và cảm hứng vũ trụ, Ức Trai tiên sinh trịnh trọng tuyên bố nền độc lập tự do: Xã tắc từ nay vững bền – Giang san từ đây đổi mới – Càn khôn bỉ mà lại thái – Nhật nguyệt hối mà lại minh – Muôn thuở nền thái bình vững chắc – Ngàn năm, vết nhục nhã sạch làu.

Ở Tuyên ngôn độc lập, trước khi công bố quyền được hưởng tự do độc lập một cách xứng đáng của dân tộc ta, Hồ Chí Minh đã tuyên bố thoát lí mọi quan hệ với thực dân, xóa bỏ mọi hiệp ước, mọi quyền lợi của Pháp trên đất nước Việt Nam. Đây là một việc làm vô cùng có ý nghĩa. Để thiết lập một đất nước Việt Nam mới và mở ra một kỉ nguyên độc lập tự do của đất nước, ta phải xóa bỏ mọi ràng buộc, mọi mối quan hệ với thực dân Pháp, phải đập tan mọi luận điệu của Đờ Gôn (tướng Pháp) và bọn thực dân phản động Pháp đang âm mưu tái chiếm Đông Dương: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Đoạn văn gồm ba ý, xây dựng theo lối tăng cấp: quyền hưởng tự do độc lập của dân tộc, hưởng tự do độc lập là sự thực, quyết tâm giữ vững độc lập tự do bằng mọi giá của con người Việt Nam. Đây là lời tuyên bố hào hùng, là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu dân (Trần Dân Tiên).

i. Về nghệ thuật.

Về tổng thể, Tuyên ngôn độc lập có điểm tương đồng giữa các phần như Bình Ngô đại cáo song bố cục ngắn gọn và chặt chẽ hơn.

Nếu hai tác phẩm trên sáng tác theo các thể thơ văn cổ Trung đại thì Tuyên ngôn độc lập viết theo phong cách văn chính luận hiện đại với lập luận sắc sảo, bằng chứng rõ ràng, hình ảnh gợi cảm, ngôn từ chính xác, kết hợp sâu sắc giữa văn học và chính trị, kế thừa và phát triển.

– Ngôn từ, hành văn, cách diễn dạt của TNĐL ngắn gọn, dễ hiểu, lập luận khoa học, sắc sảo. NQSH ngắn gọn, xúc tích chưa thật đầy đủ. BNĐC dài hơn.

– Thể loại chữ viết hai bài trên: TNĐL là chữ quốc ngữ thể văn chính luận, BNĐC chữ Hán thể phú, NQSH là chữ Hán thể thơ tứ tuyệt Đường luật.

3. Lí giải: Tại sao giữa TNĐL và BNĐC lại có sự khác nhau và giống nhau về nội dung và tư tưởng.

- Giống: là bởi vì cả hai tác giả đều là những danh nhân lớn của Việt Nam, tiếp thu tinh hoa dân tộc từ bao đời, có lòng yêu nước, yêu nhân dân.

– Khác: là bởi vì hoàn cảnh sống giữa hai tác giả khác nhau, vốn sống, vốn hiểu biết và tài năng nghệ thuật cũng khác nhau, đặc biệt là ngoài tinh hoa của dân tộc, Hồ Chủ Tịch còn tiếp thu cả tinh hoa văn hoá thế giới một cách có chọn lọc.

4. Đánh giá: Cả 3 đều khẳng định chủ quyền đất nước, là kim nam châm chỉ phương cho nhân dân ta dựng và giữ nước.